

Số: 07 /TB-MNHM

Long Biên, ngày 13. tháng 01. năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai Dự toán – Thuyết minh dự toán năm 2023
được PTC-KH phê duyệt.**

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Dự toán và thuyết minh dự toán ngân sách năm 2023 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch phê duyệt.

1. Thành phần thực hiện niêm yết công khai:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| • Bà Trần Thị Nghĩa Quỳnh | Hiệu trưởng(Chủ trì) |
| • Bà Trần Thị Xuân Nhạn | Phó hiệu trưởng - CTCD |
| • Bà Đào Thị Hải Yến | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đặng Thị Lan Anh | TTVP |
| • Bà Đào Thanh Huệ | Phó CTCD |
| • Bà Chu Thị Huệ | Trưởng Ban TTND |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổ trưởng tổ Bảo vệ |
| • Bà Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn -KTMNL |
| • Bà Nguyễn Thị Hường | Tổ trưởng tổ nuôi |
| • Bà Đỗ Thị Thu Huyền | Khối trưởng MGB |
| • Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Khối trưởng nhà trẻ |
| • Bà Trần Thị Hoài Phương | BTCD |
| • Dương Thị Hương Quỳnh | Kế toán (Thư ký) |

2. Nội dung công khai: Công khai Dự toán – Thuyết minh dự toán năm 2023 được PTC-KH phê duyệt.

3. Hình thức niêm yết: Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

4. **Địa điểm niêm yết:** Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường (Tầng 1 – Khu hiệu bộ)
5. **Thời gian niêm yết:** Từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 08 tháng 3 năm 2023.
6. **Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 096.872.6466 (Đ/c Quỳnh – Kế toán) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnhoamai@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Nghĩa Quỳnh

Trường Mầm non Hoa Mai
 Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 071
 Mã ĐVSDNS: 1105653
 Tài khoản: 9527.3.1105653 - KBNN Long Biên

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Kính gửi: Phòng TC - KH quận Long Biên
 Kho bạc nhà nước quận Long Biên

Căn cứ quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán thu chi ngân sách của Quận Long Biên năm 2023 ;

Căn cứ chế độ, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ và chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

Trường mầm non Hoa Mai lập Dự toán thu chi NSNN năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Mục	Nội dung	Dự toán năm 2023	Tổng kinh phí năm 2023	
				Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
		KINH PHÍ GIAO KHÔNG TƯ CHỦ	4.323.860	3.818.100	505.760
I		Kinh phí chi hoạt động	4.121.556	3.818.100	303.456
1		<u>Qũy lương</u>	2.887.000	2.887.000	0
	6000	Tiền lương	1.655.009	1.655.009	0
	6100	Phụ cấp lương	794.998	794.998	0
	6300	Các khoản đóng góp	436.993	436.993	0
2		<u>Chi hoạt động</u>	1.234.556	931.100	303.456
	6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên	673.920	673.920	0
	6100	Phụ cấp lương	2.682	2.682	0
	6300	Các khoản đóng góp	158.371	158.371	0
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	82.000	30.000	52.000
	6550	Vật tư văn phòng	61.469	21.469	40.000
	6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	16.200	4.800	11.400
	6650	Hội nghị	9.000	0	9.000
	6700	Công tác phí	7.200	7.200	0
	6750	Chi phí thuê mướn	143.056	20.500	122.556
	6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	46.000	0	46.000
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	12.158	12.158	0

TT	Mục	Nội dung	Dự toán năm 2023	Tổng kinh phí năm 2023	
				Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
	7050	Mua sắm tài sản vô hình	22.500	0	22.500
II		<u>40% thực hiện CCTL</u>	202.304	-	202.304

Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 2023

Xác nhận phòng tài chính - kế hoạch *Th*

Kế toán đơn vị

Thủ trưởng đơn vị



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Thanh Nam

Th

Dương Thị Hương Quỳnh



Trần Thị Nghĩa Quỳnh

THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng kinh phí năm 2023		
				Dự toán năm 2023	Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
A	B	C	D	1=2+3	2	3
KINH PHÍ GIAO KHÔNG TỰ CHỦ				4.323.860	3.818.100	505.760
A Kinh phí chi hoạt động				4.121.556	3.818.100	303.456
I Quỹ lương				2.887.000	2.887.000	0
1	6000		Tiền lương	1.655.009	1.655.009	0
		6001	Lương theo ngạch bậc CBGVNV (32 biên chế): 92,562 x 1,490x12th	1.655.009	1.655.009	0
2	6100		Phụ cấp lương	794.998	794.998	0
		6101	PC chức vụ: 1,2 x 1,490x12th	21.456	21.456	0
		6112	PC ưu đãi nghề: 32,171 x 1,490 x12th	575.217	575.217	0
		6113	PC trách nhiệm (Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, Y tế, Văn thư): 05 người: 0,85 x 1,490.x12th	15.198	15.198	0
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề: 10,242 x 1,490 x12th	183.127	183.127	0
3	6300		Các khoản đóng góp	436.993	436.993	0
		6301	BHXH: (92,562 + 1,2+10,242) x 1,490 x 12th x 17%	316.129	316.129	0
		6302	BHYT: (92,562 + 1,2+10,242) x 1,490 x 12th x 3%	55.786	55.786	0
		6303	KPCĐ: (92,562 + 1,2+10,242) x 1,490 x 12th x 2%	37.190	37.190	0
		6304	BHTN: (92,562 + 1,2+10,242) x 1,490 x 12th x 1%	18.594	18.594	0
		6349	BHTNLĐ: (92,562 + 1,2+10,242) x 1,490 x 12th x 0,5%	9.295	9.295	0
II Chi hoạt động				1.234.556	931.100	303.456
1	6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	673.920	673.920	0
		6099	Tiền công khác	673.920	673.920	0
		-	Nhân viên bảo vệ: 4.680 x 3 ng x 12th	168.480	168.480	0

TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng kinh phí năm 2023		
				Dự toán năm 2023	Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
		-	Nhân viên nuôi dưỡng: 4.680 x 8 ng x 12th	449.280	449.280	0
		-	Hợp đồng trong chi tiêu biên chế: Nhân viên kế toán: 4.680 x 1ng x 12th	56.160	56.160	0
2	6100		Phụ cấp lương	2.682	2.682	0
		6113	PC trách nhiệm: 0,15 x 1.490 x 12th	2.682	2.682	0
3	6300		Các khoản đóng góp	158.371	158.371	0
		6301	BHXH: (4.680 x 12ng x 12th) x 17%	114.566	114.566	0
		6302	BHYT: (4.680 x 12ng x 12th) x 3%	20.218	20.218	0
		6303	KPCĐ: (4.680 x 12ng x 12th) x 2%	13.478	13.478	0
		6304	BHTN: (4.680 x 12ng x 12th) x 1%	6.739	6.739	0
		6349	BHTNLĐ: (4.680 x 12ng x 12th) x 0,5%	3.370	3.370	0
4	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	82.000	30.000	52.000
		6501	Tiền điện: (4.000 x 10th) + (2.000 x 2th)	44.000	14.000	30.000
		6502	Tiền nước sạch: (2.000 x 10th) + (1.000 x 2 th)	22.000	10.000	12.000
		6504	Tiền vệ sinh, môi trường: 4.000 x 4 quý	16.000	6.000	10.000
5	6550		Vật tư văn phòng	61.469	21.469	40.000
		6551	Văn phòng phẩm: giấy in, bút, cặp tài liệu, giấy photo, ghim cài, kẹp... 2.300 x 10th	23.000	3.000	20.000
		6599	Vật tư văn phòng khác	38.469	18.469	20.000
		-	Chi mua nước tẩy rửa, giấy vệ sinh, nước lau sàn, xà phòng... 2.000 x 10th	20.000	0	20.000
		-	Mua biểu bảng: + Biển lớp: 12 cái x 250 + Bảng từ tài chính công khai: 15,469m x 1.000	18.469	18.469	0
6	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	16.200	4.800	11.400
		6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại): 500 x 12th Thuê bao đường điện thoại: 200 x 12th	8.400	0	8.400
		6605	Cước phí Internet: 400x12th	4.800	4.800	0
		6608	Sách, báo, tạp trí: báo thủ đô, tạp trí thư viện...	3.000	0	3.000
7	6650		Hội nghị	9.000	0	9.000

TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng kinh phí năm 2023		
				Dự toán năm 2023	Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
			(3 hội nghị: Khai giảng, tổng kết năm học, 20/11)			
		6699	Chi phí khác	9.000	0	9.000
		-	Chi mua hoa trang trí, chè, nước phục vụ hội nghị, đại biểu : 3.000x 3lần	9.000	0	9.000
8	6700		Công tác phí	7.200	7.200	0
		6704	Khoản công tác phí: Văn thư, kế toán: 300x2ngx12th	7.200	7.200	
9	6750		Chi phí thuê mướn	143.056	20.500	122.556
		6757	Thuê lao động trong nước	98.160	0	98.160
		-	Thuê lao công dọn vệ sinh và chăm sóc cây xanh: 2.000x12thx1ng; 1.500x12thx1ng	42.000	0	42.000
		-	Thuê giáo viên hợp đồng trường: 4.680 x 1ng x 12th	56.160	0	56.160
		6799	Chi phí thuê mướn khác	44.896	20.500	24.396
		-	Phun thuốc muỗi phòng dịch bệnh (1 năm 1 lần)	14.000	14.000	0
		-	Thuê diệt mối (1 năm 1 lần)	17.296	0	17.296
		-	Chi thuê dọn vệ sinh vườn cổng rào, hồ ga, bể phốt 2 lần 1 năm	13.600	6.500	7.100
10	6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	46.000	0	46.000
		6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	11.000	0	11.000
		-	Thay thế linh kiện máy tính, máy in, đồ mực máy in: (1.000 x10th), (500 x2th)	11.000	0	11.000
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	10.000	0	10.000
		-	Sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa : 25 cái x 400	10.000	0	10.000
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	15.000	0	15.000
		-	Sửa chữa đường điện, nước, hàn lan can hành lang (hệ thống đèn, điện, vòi, thoát nước)	15.000	0	15.000
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	10.000	0	10.000
		-	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà bếp: tủ cơm, máy xay thịt.....	10.000	0	10.000
11	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	12.158	12.158	0
		7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	7.200	7.200	0

TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng kinh phí năm 2023		
				Dự toán năm 2023	Kinh phí chi hoạt động	Kinh phí mục tiêu TP cấp
		-	Mua xấp màu, đề can, bóng kính, giấy vẽ, keo... phục vụ dạy học: 600 x 12 lớp	7.200	7.200	
		7049	Chi khác	4.958	4.958	0
		-	Chi hội thi GV giỏi cấp Quận (Mua đồ dùng, nguyên vật liệu phục vụ tiết học)	4.958	4.958	
12	7050		Mua sắm tài sản vô hình	22.500	0	22.500
		7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	22.500	0	22.500
		-	Bảo trì phần mềm Cổng thông tin điện tử website	10.000	0	10.000
		-	Bảo trì phần mềm dinh dưỡng Godkids	8.500	0	8.500
		-	Gia hạn phần mềm Misa Mimosa.net	4.000	0	4.000
B			40% thực hiện CCTL	202.304	-	202.304

Kế toán đơn vị



Dương Thị Hương Quỳnh

Hà Nội, Ngày 11 tháng 1 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Nghĩa Quỳnh